

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Liêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tân Hải.

Bà Phan Thị Hoài Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Quý, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực x - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hương Giang; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực x - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị C, sinh năm 1991; CCCD số 04919100xxx do Bộ Công an cấp ngày 13/01/2025; trú tại: thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1989; CCCD số 049089013xxx do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/8/2021; trú tại: thôn H, xã V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2025, bản tự khai, nguyên đơn Chị Thái Thị C trình bày:

Chị và Anh Trần Ngọc Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là xã V, thành phố Đà Nẵng). Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải được, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa

hợp, Anh Q thường xuyên chửi bới, đánh đập. Chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Thắng.

Chị và Anh Q có một con chung tên là Trần Ngọc T, sinh ngày 24/5/2020. Theo đơn khởi kiện, Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Chị C thay đổi yêu cầu về nuôi con. Chị C đồng ý giao con chung cho Anh Q nuôi dưỡng và chị không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị C mong muốn được tự thỏa thuận phân chia với Anh Q về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã liên lạc với Anh Trần Ngọc Q qua điện thoại, tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và thông báo cho Anh Q biết việc Chị Thái Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Q; đồng thời hướng dẫn Anh Q gửi văn bản đến Tòa án nhưng Anh Q không gửi bản khai, không lên Tòa án để làm việc nên không thể tiến hành ghi lời khai, ý kiến của Anh Q.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực x – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Thái Thị C; xử cho Chị Thái Thị C được ly hôn Anh Trần Ngọc Q; về con chung giao cháu Trần Ngọc T cho Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; Chị Thái Thị C không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Chị Thái Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với Anh Trần Ngọc Q. Anh Q có nơi cư trú tại thôn H, xã V, thành phố Đà Nẵng. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đà Nẵng.

Theo biên bản xác minh ngày 23/10/2025 tại Công an xã V, thành phố Đà Nẵng thì Anh Trần Ngọc Q có hộ khẩu thường trú tại H, xã V, thành phố Đà Nẵng nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã đến nơi cư trú của Anh Q

để làm việc nhưng không gặp. Theo ý kiến của cha mẹ Anh Q thì Anh Q làm việc ở nội thành Đà Nẵng nên nửa tháng mới về nhà. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành việc cấp, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho Anh Q nên đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày 12/02/2026, Anh Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa hôm nay, Anh Q vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Chị Thái Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Chị C, Anh Q.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị C và Anh Trần Ngọc Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là xã V, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 21/5/2020. Khi kết hôn anh chị tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn, theo Chị C và ý kiến của cha mẹ của Anh Q thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không cùng nhau làm ăn để vun đắp gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại, thông báo cho Anh Q đến Tòa án để hòa giải nhưng Anh Q không đến. Điều đó thể hiện Anh Q không còn mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đến nay, Chị C nhận thấy không còn tình cảm, không quan tâm đến Anh Q nữa.

Từ những lý do trên cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị C, Anh Q đã rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Chị C yêu cầu ly hôn với Anh Q là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị C và Anh Q có một con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 24/5/2020. Chị C có nguyện vọng giao con chung cho Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu Trần Ngọc T đang ở chung với Anh Q và cha mẹ anh. Theo ý kiến của cha mẹ Anh Q, Anh Q có nguyện vọng nuôi cháu T. Anh Q làm nghề sơn nước, có thu nhập, khoảng nửa tháng về thăm nom, chăm sóc, chu cấp tiền nuôi cháu T. Do đó, cần giao cháu T cho Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Thái Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Thái Thị C đối với Anh Trần Ngọc Q về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Thái Thị C ly hôn Anh Trần Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 24/5/2020 cho Anh Trần Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) Chị Thái Thị C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Chị C đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003780 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị Thái Thị C đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 9- Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã V.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Liêm